


Phụ lục 17
(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT
ngày 28/6/2010 của Bộ Công Thương)
CÔNG TY TNHH TM DV KHÁNH AN SÀI GÒN

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Phiếu an toàn hóa chất		Logo của doanh nghiệp (không bắt buộc)	
SODIUM BICARBONATE			
Số CAS: 144-55-8 Số UN: Số đăng ký EC: 205-633-8 Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):			
I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT			
- Tên thường gọi của chất: Sodium bicarbonate		Mã sản phẩm nếu có	
- Tên thương mại: Sodium bicarbonate			
- Tên khác (không là tên khoa học): Natri Bicarbonate, Soda lạnh			
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:		Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Công ty TNHH TM DV XNK Khánh An Sài Gòn 30/17 Đường HT 31, KP 1, P.Hiệp Thành, Quận 12, TP HCM ĐT: 08.6683.3399 Fax: 08.6250.7935	
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ:			
- Mục đích sử dụng: Dùng trong ngành chăn nuôi, thú y, thủy sản,...			
PHẦN II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT			
Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Sodium bicarbonate	144-55-8	NaHCO ₃	100
Thành phần 2 (nếu có)			
Thành phần 3 (nếu có)			
III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT			
1. Mức xếp loại nguy hiểm (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm; Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...): Không phải là một chất độc hại. 2. Cảnh báo nguy hiểm: Không có thông tin 3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng - Đường mắt: Có thể gây kích ứng mắt - Đường thở: Bụi có thể gây kích ứng đường hô hấp - Đường da: Hấp thụ da không có khả năng. Có thể gây kích thích thoáng nhẹ, khi tiếp xúc kéo dài. - Đường tiêu hóa: Chất này được sử dụng như một thành phần thực phẩm, vitamin và thuốc dược phẩm, và có thể tiêu thụ một cách an toàn trong một lượng vừa phải. - Hiệu ứng mãn tính: Sản phẩm này không chứa bất kỳ thành phần được chỉ định bởi IARC, NTO, ACGIH hoặc OSHA như có thể xảy ra hoặc nghi ngờ gây ung thư của con người.			

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- 1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt** (bị văng, dây vào mắt): Giữ mí mắt mở và rửa mắt với thật nhiều nước trong thời gian ít nhất 15 phút. Tìm kiếm chăm sóc y tế nếu vẫn còn rát hoặc nếu thay đổi thị giác xảy ra.
- 2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da** (bị dây vào da): Trong trường hợp tiếp xúc, rửa vùng da bị nhiễm bẩn với thật nhiều nước và xà phòng. Xoa vùng da bị nhiễm bẩn với thuốc làm mềm. Thay quần áo nếu bị nhiễm bẩn. Quần áo phải được tẩy giặt trước khi sử dụng lại. Cần gọi sự trợ giúp y tế.
- 3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp** (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí): Nếu ngừng thở, thực hiện hô hấp nhân tạo cho nạn nhân, nói lỏng quần áo, cổ áo, thắt lưng, cà vạt... Nếu hít phải, cần đưa nạn nhân tới phòng thoáng mát. Nếu thở khó khăn, cần cung cấp oxy cho nạn nhân. Gọi sự trợ giúp từ y tế.
- 4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa** (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất): Tránh để nạn nhân nôn mửa trừ khi có sự trợ giúp của y tế, không bao giờ sử dụng miệng để hô hấp nạn nhân. Nói lỏng quần áo, cổ áo, thắt lưng, cà vạt... Gọi trợ giúp từ y tế.
- 5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị** (nếu có):

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- 1. Xếp loại về tính cháy** (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...): Không cháy.
- 2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy:** Không có thông tin
- 3. Các tác nhân gây cháy, nổ** (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát...): Không có thông tin
- 4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác:** Không có thông tin.
- 5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy:** Không có thông tin.
- 6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ** (nếu có): khi được nung nhiệt, hóa chất sẽ phát ra khí hăng và khói kích ứng mắt.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- **Trường hợp tràn đổ, rò rỉ mức nhỏ:** Sử dụng dụng cụ thích hợp xúc bỏ hóa chất đổ rót vào thùng rác, lau sạch bằng nước trên bề mặt bị nhiễm bẩn và thải bỏ theo qui định của pháp luật.
- **Trường hợp tràn đổ, rò rỉ mức lớn:** Sử dụng xẻng xúc bỏ hóa chất vào thùng chứa chất bỏ, lau sạch bằng nước trên bề mặt bị nhiễm bẩn và có thể cho đổ tràn tới hệ thống cống.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

- 1. Lưu trữ:** Lưu trữ trong thùng kín, đóng chặt nắp. Giữ trong điều kiện thoáng mát.
- 2. Xử lý:** Đây là một thành phần thực phẩm dành cho con người. Không được nuốt hay hít bụi hóa chất. Nếu nuốt phải, cần gọi sự trợ giúp từ y tế. Để hóa chất tránh xa axit.

III. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

- 1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết** (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...): Sử dụng quy trình khép kín, thông thoáng tại chỗ, hay những kiểm soát kỹ thuật khác để giữ ngưỡng hít thở dưới ngưỡng giới hạn tiếp xúc. Nếu quá trình vận hành tạo ra bụi, khói hoặc sương, thực hiện thông gió để giữ ngưỡng hít thở dưới ngưỡng giới hạn.
- 2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc:** kính an toàn, áo khoác phòng thí nghiệm, khẩu trang ngăn bụi, đảm bảo sử dụng mặt nạ phù hợp tương ứng, găng tay.
- 3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố:** kính bảo hộ, trang phục bảo hộ nguyên bộ, mặt nạ ngăn bụi, ủng, găng tay. Thiết bị trợ hô hấp nếu cần. Trang phục bảo hộ có thể không cần thiết, tham khảo chuyên gia trước khi xử lý
- 4. Các biện pháp vệ sinh** (tắm, khử độc...): bồn rửa mặt và vòi tắm

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: Chất rắn

Điểm sôi (°C): không có sẵn

Màu sắc: Màu trắng	Điểm nóng chảy ($^{\circ}\text{C}$): không có sẵn
Mùi đặc trưng: Không mùi	Điểm bùng cháy ($^{\circ}\text{C}$) (Flash point) theo phương pháp xác định: không có sẵn
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: không áp dụng	Nhiệt độ tự cháy ($^{\circ}\text{C}$): không có sẵn
Tỷ trọng bay hơi: không áp dụng	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): không có sẵn
Độ hòa tan trong nước: tan hoàn toàn trong nước lạnh, ít hòa tan trong alcohol	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): không có sẵn
Độ PH: Không có thông tin	Khối lượng phân tử: 84,01 g/mole
Trọng lượng riêng : 2,159 (nước = 1)	Các tính chất khác nếu có

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): Hóa chất ổn định.

2. Khả năng phản ứng:

- Những điều kiện gây không ổn định: hợp chất không tương thích, độ ẩm, ổn định trong không khí, nhưng chậm phân hủy trong khí ẩm.
- Những hóa chất không tương thích: phản ứng axit.
- Tính ăn mòn: không ăn mòn khi đựng trong thủy tinh.
- Poly hóa: không xảy ra.
- Lưu ý phản ứng hóa chất: tác dụng với acid tạo carbon dioxide. Phản ứng mãnh liệt với mono ammonium phosphate hay hỗn hợp kim loại Natri-kali.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Thành phần 1 Sodium Bicarbonate	LD50:3360 mg/kg	Độc tính	Đường miệng	Chuột
Thành phần 2 (nếu có)				
Thành phần 3 (nếu có)				

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen...): Không có thông tin

2. Các ảnh hưởng độc khác:

- Lưu ý về độc cấp tính lên con người:

Da: gây kích ứng.

Mắt: gây kích ứng.

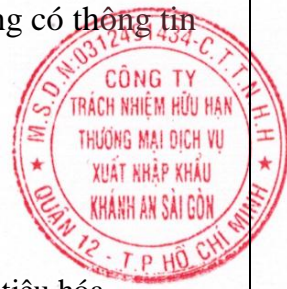
Tiêu hóa: triệu chứng như khi nuốt quá liều là khát nước, đau bụng, viêm dạ dày, và bồng hệ tiêu hóa.

Hô hấp: có thể gây ra kích ứng hệ hô hấp, triệu chứng như ho, hắt xì, nghẹt thở.

- Lưu ý về độc mãn tính lên con người:

Da: tiếp xúc lâu dài và lặp lại có thể gây kích ứng, phá hủy và hoại tử da.

Nuốt phải và hít phải: triệu chứng thường xuất hiện trong vòng 4-10 ngày sau khi lượng lớn hóa chất vào cơ thể. Việc tiếp xúc với lượng lớn hóa chất nhiều lần và kéo dài qua hệ tiêu hóa và hô hấp gây ra chuyển hóa bất thường và tích trữ sodium trong cơ thể. Những chuyển hóa bất thường như dư acid, tăng huyết áp, chứng hypematremia, hypochloremia, hay tích lũy natri có thể ảnh hưởng máu, thận, hệ hô hấp (xanh tím mặt, viêm phổi) và hệ tim mạch (tim đập nhanh, hạ huyết áp). Trường hợp nặng có thể ảnh hưởng đến hệ thần kinh. Não bộ sẽ thay đổi do những chuyển hóa bất thường. Kết quả dẫn đến mệt nhọc, đau đầu, chóng mặt, rối loạn trí óc, paresthesia, seizure, tetany, cerebral edema Medial conditions Aggravated. Người có làn da nhạy cảm nếu tiếp xúc với hóa chất, tình trạng sẽ gia tăng. Ở trường hợp nhẹ sẽ gây ra bệnh về thận, khử nước, mất cân bằng điện dịch, hạ huyết áp, chứng sarcoidosis, sung huyết, viêm da...



XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loại sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Sodium Bicarbonate	KHÔNG CÓ THÔNG TIN		
Thành phần 2 (nếu có)			
Thành phần 3 (nếu có)			
Thành phần 4 (nếu có)			

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học: Không có thông tin
- Chỉ số BOD và COD: Không có thông tin
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: không có thông tin
- Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: không có thông tin.

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp): Tuân thủ theo Luật 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007. Điều 25 và Điều 35: Xử lý, thải bỏ hóa chất tồn dư, chất thải và dụng cụ hóa chất.

2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải: Không có thông tin

3. Biện pháp tiêu hủy:

- Tái sử dụng nếu có thể
- Thu gom và xử lý dạng rắn:
 - Chai lọ đựng hóa chất rỗng, chất thải rắn khác có dính hóa chất nguy hại: thu gom vào thùng chứa riêng. Sau đó được đem đốt ở nơi có khả năng xử lý chất thải nguy hại.
 - Hóa chất hết hạn: làm thủ tục theo quy định.
- Thu gom và xử lý dạng lỏng:
 - Dung môi thải, chứa chất hữu cơ, không chứa chất kim loại: thu gom vào thùng riêng. Sau đó được đem đi đốt ở nơi có khả năng xử lý chất thải nguy hại.
 - Dung dịch chứa kim loại nặng: thu gom vào thùng riêng, được xử lý bằng phương pháp xử lý nước thải thích hợp.
 - Dung dịch chứa axit, kiềm mà không chứa kim loại: có thể trung hòa và thoát vào cống thoát nước.
- Xử lý hóa chất dạng hơi: vận hành tủ hút có bộ lọc HEPA hoặc hệ thống quạt hút ra ngoài.

Chú ý:

- Nên thu gom theo từng loại xét nghiệm là tốt nhất, có thể chia theo nhóm nhưng chú ý không được trộn lẫn các hóa chất kị với nhau (tham khảo trong bảng).
- Cố gắng giảm độc tính nguy hại thành chất ít nguy hại hơn.
- Chai/lọ đựng hóa chất đã hết hạn có thể sử dụng để đựng chất thải tương ứng của nhóm đó.
- Cần ghi rõ thông tin trên mỗi chai/lọ đựng chất thải các thông tin sau: loại chất thải nguy hại (nồng độ nếu có), ngày bắt đầu được thu gom, khoa/phòng có chất thải/ người chịu trách nhiệm thu gom.

4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý: Không có thông tin

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

- Thực hiện theo 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009.
- Xếp loại DOT: không
- Nhận dạng: không.

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)

2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký

3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ:

- Quy chuẩn áp dụng

Quy chuẩn Quốc gia: TCVN 5507:2002.

Nghị định: số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009

- Xếp loại khác

DSCL (EEC): không áp dụng

HMIS (U.S.A.):

Độc hại sức khỏe: 1

Nguy hiểm cháy: 0



Độ hoạt hóa: 0

Bảo vệ cá nhân: E

National Fire Protection Association (U.S.A.):

Sức khỏe: 1 Khả năng cháy: 0

Độ hoạt hóa: 0

Độc hại đặc biệt:

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 04-06-2014

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 22-03-2016

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH TM DV XNK Khánh An Sài Gòn

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.

Thông tin tham khảo: Sodium bicarbonateMSDS – science lab.com, INC, Mỹ

CÔNG TY TNHH TM DV KHÁNH AN SÀI GÒN



Lê Hoàng Mi Sa